

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NÓI 4

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Năm 2018

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

1. Tên học phần: Nói 4

2. Mã học phần: NNA 236

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Nói 3

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
2	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
3	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913592866	Tang.huyminh@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Nói 4 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Kiến thức: Tổng hợp được các cấu trúc, từ vựng sử dụng để nói về các chủ điểm thường gặp trong các bài thi nói theo định dạng IELTS: Các mối quan hệ trong gia đình, sức khỏe, công việc và học tập, thiên nhiên và môi trường, ngôn ngữ giao tiếp, khoa học và công nghệ.

- Kỹ năng: Các kỹ năng, kỹ thuật và ngôn ngữ nên sử dụng trong quá trình nói để đạt kết quả cao theo định dạng bài thi nói của IELTS.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
	Trình bày kiến thức về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng, cấu trúc để nói về các chủ điểm thường gặp trong các bài thi theo định dạng IELTS. - Phân biệt được các dạng bài tập nói trong 3 phần cơ bản theo định dạng IELTS. 	1	[2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
	Thuyết trình và phản biện được đúng kỹ năng, kỹ thuật trong các tình huống thường gặp của các bài thi theo định dạng IELTS.	3	[2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
	Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Liệt kê được từ vựng theo các chủ điểm thông thường: Con người, các mối quan hệ xã hội, sức khỏe, công việc, học tập, thiên nhiên, môi trường, ngôn ngữ giao tiếp, khoa học và công nghệ.	1	[1.3]
CDR1.2	Trình bày được các cấu trúc câu giao tiếp theo các chủ điểm thông thường và theo mục đích giao tiếp cụ thể.		
CDR1.3	Nêu được các kỹ thuật diễn đạt thông tin, triển khai ý, thuyết trình, phản biện, dẫn chứng.		

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Đọc, phân tích thông tin về các yêu cầu thường gặp trong bài thi theo định dạng IELTS	3	[2.8]
CDR2.2	Nghe, phản hồi các thông tin giao tiếp cơ bản về thông tin cá nhân.		
CDR2.3	Phân tích thông tin, lập dàn ý bài nói theo yêu cầu cụ thể.		
CDR2.4	Phát triển ý, lập luận, dẫn chứng phù hợp yêu cầu giao tiếp cụ thể.		
CDR2.5	Tổng hợp ý, chọn lọc từ vựng, cấu trúc, lối hành văn, diễn đạt theo các kỹ thuật nói của bài thi định dạng IELTS.		
CDR2.6	Thuyết trình, phản biện báo cáo trả lời 3 phần cơ bản của bài thi nói theo định dạng IELTS.		
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[3.1]
CDR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.		
CDR3.3	Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả.		
CDR3.4	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp.		

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Bài	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần											
		CĐR1			CĐR2						CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 1.3	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 2.3	CĐR 2.4	CĐR 2.5	CĐR 2.6	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1. People and relationship	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Unit 2. A healthy body	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Unit 3. Studies and work	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Unit 4. The world around us	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Unit 5. Communication	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Unit 6. Technology	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Unit 7. Hobbies	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần	01 điểm	20%	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Điểm kiểm tra giữa học phần	01 điểm	30%	
3	Điểm thi kết thúc học phần	01 điểm	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần: Vấn đáp.
- Kiểm tra giữa học phần: Vấn đáp (10 phút/1 SV)
- Thi kết thúc học phần: Vấn đáp (10 phút/1 SV)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Thiết bị nghe, từ điển, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

- [1]. Trường Đại học Sao Đỏ (2018), *Giáo trình Nói 4*.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Karen Kovacs, *Speaking for IELTS*, Collins.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
1	<p>Unit 1. People and relationships</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được từ vựng miêu tả tính cách con người.- Phân biệt được các thì động từ trong tiếng Anh.- Phát âm đúng trọng âm từ.- Nêu được kỹ thuật trình bày bài nói phần 3 theo định dạng bài thi IELTS.- Trình bày được bài nói về tính cách con người. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. Vocabulary: Character and personality</p> <p>1.2. Vocabulary: Relationships</p> <p>1.3. Vocabulary: Modifying</p> <p>1.4. Grammar: Thinking about tenses</p> <p>1.5. Pronunciation: Weak and strong forms</p> <p>1.6. Exam technique: What it means to 'know' a word</p> <p>1.7. IELTS Speaking Exam: Part 3</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Nêu các từ vựng miêu tả tính cách con người.+ Giải thích quy tắc đánh dấu trọng âm từ.+ Phân biệt các thì động từ trong tiếng Anh.+ Hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thảo luận và trình bày bài nói về tính cách con người.+ Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 1 trang 2. [2]: Mục 1 trang 1, mục 1,2 trang 2, mục 1-3 trang 5, mục 1 trang 7.+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.+ Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 1 mục 2-4 trang 2-4, task 1,2 trang 5.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
2	<p>Unit 2. A healthy body</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày được từ vựng thuộc chủ điểm sức khỏe, thể dục thể thao, các thói quen lành mạnh hoặc tiêu cực.	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Đặt vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Thuyết trình các nội dung thuộc chủ điểm sức khỏe, thể dục thể thao, các thói quen lành	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>- Phân tích thông tin, trình bày được kỹ thuật nói trong phần 1, 2.</p> <p>- Luyện phát âm thể hiện ý kiến cá nhân, sự cảm thán.</p> <p>- Lập dàn ý bài thuyết trình quan điểm cá nhân.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Vocabulary: Sports and fitness</p> <p>2.2. Vocabulary: Health and diet</p> <p>2.3. IELTS Speaking Exam: Part 1</p> <p>2.4. IELTS Speaking Exam: Part 2</p> <p>2.5. Pronunciation: Expressing enthusiasm</p> <p>2.6. Expressing opinions</p> <p>2.7. Vocabulary: Collocations</p> <p>2.8. Exam technique: Planning your answer</p>		<p>mạnh hoặc tiêu cực.</p> <p>+ Nêu vấn đề thảo luận về cách thể hiện ý kiến cá nhân.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách lập dàn ý bài nói và các kỹ thuật trình bày bài nói phần 1, 2 theo định dạng bài thi IELTS.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ thảo luận cho cá nhân, các cặp, nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2 trang 6. [2]: Mục 1,2 trang 33, 34.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 2 mục 2-4 trang 6-8, task 1,2 trang 9.</p>	<p>CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
3	<p>Unit 3. Study and work</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Liệt kê được từ vựng liên quan đến chủ đề học tập, công việc.</p> <p>- Trình bày được các cấu trúc trả lời câu hỏi theo định dạng phần 1, 2 bài thi IELTS.</p> <p>- Phát âm đúng trọng âm từ.</p> <p>- Trình bày được kỹ thuật diễn đạt đúng trọng tâm câu hỏi với độ dài hợp lý.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Vocabulary:</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình; Tổ chức thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giới thiệu từ vựng liên quan đến chủ đề học tập, công việc.</p> <p>+ Thuyết trình hướng dẫn cấu trúc trả lời câu hỏi theo định dạng phần 1, 2 bài thi IELTS.</p> <p>+ Giảng giải hướng dẫn sinh viên cách phân chia thời gian, diễn đạt đúng trọng tâm câu hỏi với độ dài hợp lý.</p> <p>+ Tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho sinh viên.</p>	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	Studies and work 3.2. IELTS Speaking Exam: Part 1 3.3. IELTS Speaking Exam: Part 2 3.4. Grammar: Speculating 3.5. IELTS Speaking Exam: Part 3 3.6. Pronunciation: Word stress 3.7. Exam technique: Giving answers that are the right length.		+ Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 3 trang 10. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 3 mục 2-4 trang 10-12, task 1,2 trang 13.	
4	Unit 4. The world around us Mục tiêu bài: - Trình bày được từ vựng thuộc chủ đề về thời tiết, khí hậu, môi trường. - Thực hành ngữ pháp phân biệt các dạng câu chẻ, câu phức, mệnh đề bổ ngữ. - Luyện phát âm các nguyên âm ngắn, dài. - Trình bày bài nói theo chủ đề bài học với dạng câu hỏi trong phần 3 bài thi IELTS. Nội dung cụ thể: 4.1. Vocabulary: The environment 4.2. Vocabulary: Climate 4.3. IELTS Speaking Exam: Part 1 4.4. Grammar: Cleft sentences 4.5. Grammar: Complex sentences	6 (4LT, 0TH, 2KT)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề về khí hậu, môi trường. + Thuyết trình kiến thức về ngữ pháp phân biệt các dạng câu chẻ, câu phức, mệnh đề bổ ngữ trong tiếng Anh. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, nhóm. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 4 trang 14. [2]: Mục 1 trang 10, mục 3-5 trang 11. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 4	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	4.6. Grammar: Subordinate clauses 4.7. Pronunciation: Long and short vowel sounds 4.8. IELTS Speaking Exam: Part 3 Mid- term test		mục 2-4 trang 14-16, task 1,2 trang 17. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	Unit 5. Communication Mục tiêu bài: - Liệt kê từ vựng, cấu trúc thuộc chủ đề đa dạng ngôn ngữ, giao tiếp, liên lạc, toàn cầu hóa. - Trình bày các cấu trúc câu dạng so sánh hỗ trợ bài nói. - Thực hành kỹ thuật phân chia thời gian để suy nghĩ, biểu hiện thái độ với chủ đề bài thi. - Luyện phát âm phụ âm. Nội dung cụ thể: 5.1. Vocabulary: Language 5.2. Vocabulary: Keeping in touch 5.3. Vocabulary: Globalisation 5.4. Grammar: Making comparisons 5.5 Expressing attitude 5.6. Pronunciation: Consonants 5.7. Giving yourself suitable time to think	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, cặp. - Giảng viên: + Giải thích từ vựng, cấu trúc thuộc chủ đề đa dạng ngôn ngữ, giao tiếp, liên lạc, toàn cầu hóa. + Minh họa các cấu trúc câu dạng so sánh hỗ trợ bài nói. + Tổ chức thảo luận. + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 trang 18. [2]: Mục 1-6 trang 12-13. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 5 mục 2-4 trang 18-20, task 1,2 trang 21.	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.
6	Unit 6. Technology Mục tiêu bài: - Trình bày được từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong các tình	4 (4LT, 0TH)	Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên:	CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1,

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	<p>huống về công nghệ, mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện phát âm với trọng âm câu. - Tìm hiểu ngữ pháp về các cụm động từ. - Luyện kỹ thuật diễn đạt mạch lạc, rõ ràng. - Trình bày bài nói theo chủ đề, trả lời câu hỏi phần 2 bài thi IELTS. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1. Vocabulary: Technology</p> <p>6.2. Vocabulary: The Internet</p> <p>6.3. Vocabulary: Phrasal verb particles</p> <p>6.4. IELTS Speaking Exam: Part 2</p> <p>6.5. Pronunciation: Sentence stress</p> <p>6.6. Exam technique: Coherence</p>		<ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu từ vựng, cấu trúc giao tiếp trong các tình huống về công nghệ, mạng. + Thuyết trình kiến thức về cụm động từ và các kỹ thuật diễn đạt mạch lạc, rõ ràng. + Đặt vấn đề thảo luận nhóm. + Giao bài tập cho các cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 6 trang 22. [2]: Mục 1-3 trang 45, 46. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 6 mục 2-4 trang 22-24, task 1,2 trang 25. 	<p>CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>
7	<p>Unit 7. Hobbies</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày từ vựng, cấu trúc về sở thích. - Phân biệt các cụm từ, trạng từ chỉ tần suất. - Luyện tập ngữ pháp về thì hiện tại hoàn thành. - Diễn đạt chủ đề theo phong cách lịch sự, trang trọng. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Vocabulary: Likes and dislikes</p> <p>7.2. Vocabulary: Hobbies</p>	<p>4 (4LT, 0TH)</p>	<p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp từ vựng về chủ đề sở thích. + Giải thích các dụng các cụm từ, trạng từ chỉ tần suất và các lối nói lịch sự, trang trọng. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các cá nhân, các nhóm. 	<p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR2.6, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Số tiết	Phương pháp dạy-học	CDR học phần
	7.3. Language: Frequency 7.4. Grammar: Present perfect 7.5. IELTS Speaking Exam: Part 3 7.6. Pronunciation: The schwa /ə/ 7.7. Exam technique: Sounding polite		+ Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 7 trang 26. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 7 mục 2-4 trang 26-28, task 1,2 trang 29.	

Hải Dương, ngày 14 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên